

Bản án số: 26/2024/HSST.
Ngày 26 tháng 4 năm 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn CH1ết.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hương.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ L số: 17/2024/TLST - HS ngày 27 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 09/4/2024 đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh năm 1962 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn 1, X, xã T2, H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Lê Văn T (đã chết); Con bà Lê Thị T, sinh năm 1939; Gia đình có 5 anh em, bị cáo là thứ 3; Vợ Vũ Thị T1, sinh năm 1960; Có 2 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023 đến ngày 30/12/2023; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Bị hại:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn Quĩ Trại, xã Trục Hưng, H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn Quĩ Trại, xã Trục Hưng, H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 8/2018 đến tháng 01/2019, Lê Văn L cho bà Lê Thị H và con gái bà H là chị Phạm Thị Hạnh, sinh năm 1988 (trú tại: thôn Quỳ Trại, xã Trục Hưng, H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) vay 2,5 cây vàng, loại vàng nhẫn 9999. Tính đến tháng 3/2022, bà H và chị Hạnh đã trả L 02 chỉ vàng và 55.000.000 đồng, còn nợ L 64.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ ngày 23/12/2023, L và vợ là Vũ Thị T1 đến nhà bà H để đòi nợ. Lúc này, bà H đang nằm trong buồng ngủ, L đi vào yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ. Do không có tiền để trả cho L nên bà H bảo L lên Hà Nội đòi chị Hạnh vì số tiền bà H vay của L bà vay hộ cho Hạnh con gái bà. Bực tức về việc bà H không trả nợ, L liền lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đen để ở đầu giường bà H đang nằm cất vào túi quần, mục đích để trừ nợ. Bà H liền lao đến giằng co, túm cổ áo L để lấy lại điện thoại. Bà H nói: “Ông trả điện thoại đây”, L nói: “Mày không trả tiền tao, tao lấy điện thoại của mày”. Đồng thời L dùng tay bóp cổ bà H, sau đó vung tay tát vào mặt, dùng chân đạp vào người bà H và cắn vào bàn tay phải của bà H đang túm cổ áo L. Do bị đau nên bà H không giằng co chiếc điện thoại với L nữa. Lúc này, bà T1 chạy đến can ngăn và nói với L: “Ông trả điện thoại cho người ta đi” nhưng L không đồng ý, sau đó L cầm chiếc điện thoại đi về nhà.

Hậu quả: Bà H bị bầm tím, xây xước nhẹ ở vùng mặt.

Vật chứng thu giữ: Bà Vũ Thị T1 đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đen.

Bản kết luận định giá tài sản số: 18 ngày 27/12/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự H1ện Trục Ninh xác định: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đen, dung lượng 32 Gygabyte tại thời điểm ngày 23/12/2023 có trị giá 500.000 đồng.

Quá trình điều tra:

- Cơ quan CSĐT xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, vỏ màu đen là tài sản của chồng bà H là ông Phạm Văn H1. Cơ quan CSĐT đã trả lại chiếc điện thoại cho ông H1. Ông H1 đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác.

- Quá trình xô xát, bà Lê Thị H bị bầm tím, xây xước nhẹ. Bà H đã tự điều trị và không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thương tích. Lê Văn L đã tự nguyện bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 16.000.000 đồng. Bà H đã nhận số tiền trên, không yêu cầu L phải bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về số tiền 64.000.000đ Bà H, chị Hạnh còn nợ, L và bà H, chị Hạnh đã tự thoả thuận giải quyết với nhau.

Tại cơ quan điều tra: Bị cáo Lê Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nhận xét trên.

Bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-TN ngày 26 tháng 3 năm 2024 của VKSND H1ện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai báo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND H1ện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS: Đề nghị xử phạt Lê Văn L từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023 đến ngày 30/12/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L và gia đình bà H đã thoả thuận bồi thường xong nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT; VKSND H1ện Trục Ninh; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND H1ện Trục Ninh đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo của bị hại; Biên bản xác định tình trạng thương tích; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 14 giờ ngày 23/12/2023, Lê Văn L đến nhà của bà Lê Thị H tại thôn Quĩ Trại, xã Trục Hưng, H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định mục đích để đòi nợ bà H. Do bức tức về việc bà H không trả nợ, L đã lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, trị giá 500.000 đồng của chồng bà H là ông Phạm Văn H1 đang để trên

giường bỏ vào túi quần, mục đích để trừ nợ. Bà H không đồng ý đã giằng co, túm cổ áo L để đòi lại chiếc điện thoại thì bị L dùng tay bóp cổ, tát vào mặt, dùng chân đạp vào người và cắn vào tay phải bà H để chiếm đoạt chiếc điện thoại. Hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt chiếc điện thoại của Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS như cáo trạng VKSND H1ện Trục Ninh đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

3.1. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo Lê Văn L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Về hình phạt xét thấy cần lên mức án nghiêm khắc mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo. Song xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội do bột phát, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, về hình phạt xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bị cáo do bị cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn L** phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: Xử phạt Lê Văn L **36 (ba mươi sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách **05 (năm)** năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26-4-2024 (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 24/12/2023 đến ngày 30/12/2023).

Giao bị cáo Lê Văn L cho UBND xã T2, H1ện Trục Ninh, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn L.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí cho bị cáo Lê Văn L.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND H1ện Trục Ninh;
- Công an H1ện Trục Ninh;
- Chi cục THADS H1ện Trục Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng